



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa  
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ  
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 3600261626 ngày 29 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là vào ngày 7 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Trương Công Thắng	Thành viên
Ông Huỳnh Công Hoàn	Thành viên
Bà Hồ Thúy Hạnh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Hữu - Thang	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Ông Đoàn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2021)

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1  
Phường An Bình  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

**PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Hồng Sơn  
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, ngày 18 tháng 8 năm 2021

12  
K



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

2-00,  
IÁN  
Y T  
MG  
HỒ C



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00354-21-2



Nelson Rodríguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2021



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.586.012.962.821</b>	<b>1.619.382.377.622</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>149.023.015.181</b>	<b>201.559.823.160</b>
Tiền	111		22.023.015.181	20.059.823.160
Các khoản tương đương tiền	112		127.000.000.000	181.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	5.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.137.807.235.131</b>	<b>1.172.535.183.612</b>
Phải thu của khách hàng	131	11	157.190.737.824	226.823.642.968
Trả trước cho người bán	132		5.997.070.801	1.088.680.415
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	974.619.426.506	944.622.860.229
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>285.473.889.703</b>	<b>236.715.265.299</b>
Hàng tồn kho	141		285.979.345.548	236.725.530.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(505.455.845)	(10.265.333)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.708.822.806</b>	<b>8.572.105.551</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		538.947.027	452.269.144
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.163.074.076	8.115.349.938
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	153		6.801.703	4.486.469

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>479.316.763.620</b>	<b>512.396.964.606</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	5.000.000	5.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>434.200.879.886</b>	<b>465.666.561.462</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	433.953.458.165	465.357.284.313
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.098.165.174.246</i>	<i>1.096.484.179.026</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(664.211.716.081)</i>	<i>(631.126.894.713)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	15	247.421.721	309.277.149
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>2.180.358.879</i>	<i>2.180.358.879</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(1.932.937.158)</i>	<i>(1.871.081.730)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.751.164.014</b>	<b>1.611.020.720</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.751.164.014	1.611.020.720
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.359.719.720</b>	<b>45.114.382.424</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	18.455.166.380	20.747.386.756
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	18	10.542.967.408	9.646.604.382
Lợi thế thương mại	269	19	13.361.585.932	14.720.391.286
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.065.329.726.441</b>	<b>2.131.779.342.228</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>410.023.001.588</b>	<b>633.342.602.272</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>405.110.859.338</b>	<b>628.116.929.272</b>
Phải trả người bán	311	20	137.864.252.496	162.459.760.504
Người mua trả tiền trước	312		2.842.546.066	1.019.768.792
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21	68.668.635.789	99.562.489.090
Phải trả người lao động	314		5.323.010.291	-
Chi phí phải trả	315	22	23.550.633.896	23.075.152.579
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	3.340.424.489	3.724.116.743
Vay ngắn hạn	320	24	142.489.458.853	317.243.744.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.031.897.458	21.031.897.458
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.912.142.250</b>	<b>5.225.673.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	279.450.000	279.450.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.632.692.250	4.946.223.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.655.306.724.853</b>	<b>1.498.436.739.956</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>1.655.306.724.853</b>	<b>1.498.436.739.956</b>
Vốn cổ phần	411	26	265.791.350.000	265.791.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.510.848.947	213.510.848.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.144.402.281.477	1.002.800.069.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.002.800.069.975	279.198.484.714
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		141.602.211.502	723.601.585.261
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.628.002.461	(13.639.770.934)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.065.329.726.441</b>	<b>2.131.779.342.228</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:  
  
 Phan Thị Thúy Hoa  
 Kế toán Trưởng

  
 Phạm Hồng Sơn  
 Chủ tịch



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>806.031.598.774</b>	<b>1.152.664.822.008</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>28</b>	<b>1.441.200.140</b>	<b>534.266.168</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>804.590.398.634</b>	<b>1.152.130.555.840</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>29</b>	<b>604.927.671.022</b>	<b>817.195.362.740</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>199.662.727.612</b>	<b>334.935.193.100</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	32.329.220.612	23.875.725.824
Chi phí tài chính	22	31	3.011.490.112	15.287.930.378
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.884.047.055	7.894.573.862
Chi phí bán hàng	25	32	8.122.472.694	3.109.382.513
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	22.201.799.217	13.875.840.656
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>198.656.186.201</b>	<b>326.537.765.377</b>
Thu nhập khác	31		35.017.707	163
Chi phí khác	32		-	49.800
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>35.017.707</b>	<b>(49.637)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>198.691.203.908</b>	<b>326.537.715.740</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>35</b>	<b>42.717.582.037</b>	<b>68.189.182.310</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>35</b>	<b>(896.363.026)</b>	<b>(596.602.050)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>156.869.984.897</b>	<b>258.945.135.480</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang sang từ trang trước)	<b>60</b>		<b>156.869.984.897</b>	<b>258.945.135.480</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	61		157.068.174.857	260.403.168.706
Cổ đông không kiểm soát	62		(198.189.960)	(1.458.033.226)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	5.909	9.797

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
 Kế toán Trưởng



Phạm Hồng Sơn  
 Chủ tịch

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>198.691.203.908</b>	<b>326.537.715.740</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	34.757.507.650	34.712.943.727
Các khoản dự phòng	03	523.309.395	574.696.568
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(975.148.264)	(902.434.165)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(31.790.790.768)	(22.817.109.785)
Chi phí lãi vay	06	2.884.047.055	7.894.573.862
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>204.090.128.976</b>	<b>346.000.385.947</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	69.149.992.472	1.058.871.771.263
Biến động hàng tồn kho	10	(49.595.464.549)	(107.895.907.749)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(915.081.044)	(92.472.451.553)
Biến động chi phí trả trước	12	2.205.542.493	2.210.663.941
		<b>224.935.118.348</b>	<b>1.206.714.461.849</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.181.542.653)	(9.468.397.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(88.418.813.341)	(60.929.582.793)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>133.334.762.354</b>	<b>1.136.316.481.279</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(8.667.184.845)	(9.077.543.720)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chi cho các khoản đầu tư khác	23	(5.000.000.000)	(920.000.000.000)
Tiền chi cho vay	23	-	(600.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản đầu tư khác	24	-	250.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.005.533.236	8.117.904.307
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.661.651.609)</b>	<b>(1.270.959.639.413)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ các khoản vay	33	349.423.149.532	583.463.961.096
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(524.177.434.785)	(629.346.832.209)
Tiền trả cổ tức	36	(431.250.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(175.185.535.253)</b>	<b>(45.882.871.113)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(53.512.424.508)</b>	<b>(180.526.029.247)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>201.559.823.160</b>	<b>218.388.319.710</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>975.616.529</b>	<b>901.530.034</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>149.023.015.181</b>	<b>38.763.820.497</b>

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng



Phạm Hồng Sơn  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp). Chi tiết thông tin của công ty con được mô tả như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Trụ sở</b>	<b>Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết</b>	
			<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
Công ty Cổ phần Café De Nam	Sản xuất đồ uống và thương mại	Lô đất C.I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	97,77%	85%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có 254 nhân viên (1/1/2021: 262 nhân viên).



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi ra từ giao dịch này tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**(iv) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát cần xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**(ii) Nhãn hiệu**

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 8 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.





**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) *Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu cung cấp dịch vụ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, thu nhập lãi từ các khoản cho vay phải thu và các khoản đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ từ hoạt động tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các bộ phận bao gồm các khoản mục liên quan trực tiếp đến một bộ phận cùng các khoản có thể được phân bổ trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục chưa được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và thu nhập liên quan, các khoản đầu tư và thu nhập liên quan, các khoản vay và cho vay và các chi phí liên quan, tài sản của trụ sở chính của Công ty, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản thuế thu nhập và các khoản nợ và chi phí, và các khoản mục có liên quan đến nhiều hơn một bộ phận và không thể phân bổ hợp lý cho một bộ phận.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng doanh thu của Tập đoàn thường tăng vào quý 4 hàng năm do các nhà phân phối dự kiến sẽ có một sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong những tháng giáp Tết (Tết nguyên đán) diễn ra vào quý đầu hàng năm. Theo đó, Tập đoàn thường tăng cường sản xuất cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn trong quý 4 hàng năm nhằm gia tăng doanh số bán hàng trong thời gian cận Tết.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm trước.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Trong tháng 1 năm 2021, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Café De Nam, một công ty con, tăng từ 85% lên 97,77%. Xem thêm Thuyết minh 8 để biết thêm thông tin.

Ngoài thay đổi trên, không có sự thay đổi trọng yếu nào khác trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

## **7. Báo cáo bộ phận**

### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và thức uống không cồn; và
- Khác.

<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>Cà phê và thức uống không cồn VND</b>	<b>Khác (*) VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	666.143.815.625	138.446.583.009	804.590.398.634
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(525.731.389.375)	(79.196.281.647)	(604.927.671.022)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	140.412.426.250	59.250.301.362	199.662.727.612
Chi phí bán hàng không phân bổ			(8.122.472.694)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(22.201.799.217)
Doanh thu hoạt động tài chính			32.329.220.612
Chi phí tài chính			(3.011.490.112)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			198.656.186.201
Kết quả từ các hoạt động khác			35.017.707
Thuế thu nhập			(41.821.219.011)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			156.869.984.897



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>Cà phê và thức uống không cồn VND</b>	<b>Khác (*) VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	902.319.370.500	249.811.185.340	1.152.130.555.840
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(638.677.698.549)	(178.517.664.191)	(817.195.362.740)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	263.641.671.951	71.293.521.149	334.935.193.100
Chi phí bán hàng không phân bổ			(3.109.382.513)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(13.875.840.656)
Doanh thu hoạt động tài chính			23.875.725.824
Chi phí tài chính			(15.287.930.378)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			326.537.765.377
Kết quả từ các hoạt động khác			(49.637)
Thuế thu nhập			(67.592.580.260)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			258.945.135.480

(\*) Khác bao gồm ngũ cốc và các mặt hàng khác.

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tăng lợi ích vốn chủ sở hữu trong một công ty con**

Trong tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”), một công ty con, đã phát hành 17.000.000 cổ phiếu mới theo mệnh giá và số cổ phiếu này đã được Công ty đăng ký mua toàn bộ. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong CDN đã tăng từ 85% lên 97,77% và một khoản chênh lệch là 15.465.963.355 VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25).

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	47.477.129	12.037.129
Tiền gửi ngân hàng	21.975.538.052	20.047.786.031
Các khoản tương đương tiền	127.000.000.000	181.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	149.023.015.181	201.559.823.160

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

**10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan	143.789.401.250	206.961.247.368
Phải thu từ các bên thứ ba	13.401.336.574	19.862.395.600
	<u>157.190.737.824</u>	<u>226.823.642.968</u>

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**12. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (*)	920.000.000.000	920.000.000.000
Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư khác (*)	53.419.315.065	23.765.068.492
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	223.898.630	92.887.671
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	303.400.000	167.000.000
Phải thu khác	672.812.811	597.904.066
	<u>974.619.426.506</u>	<u>944.622.860.229</u>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các số dư này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba cam kết sẽ trả cho Tập đoàn tỷ suất lợi nhuận tối thiểu trên số tiền đã đặt cọc là 6,5% một năm (1/1/2021: 6,5% một năm).

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000
	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	5.717.017.500	-
Nguyên vật liệu	214.009.004.302	(505.455.845)	188.584.317.770	(10.265.333)
Công cụ và dụng cụ	8.883.932.359	-	8.090.616.853	-
Thành phẩm	60.829.109.086	-	33.662.323.452	-
Hàng hóa	575.474.265	-	671.255.057	-
Hàng gửi đi bán	1.681.825.536	-	-	-
	<b>285.979.345.548</b>	<b>(505.455.845)</b>	<b>236.725.530.632</b>	<b>(10.265.333)</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	10.265.333	990.481.625
Tăng dự phòng trong kỳ	836.840.145	381.965.818
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(341.649.633)	(1.320.384.036)
Số dư cuối kỳ	<b>505.455.845</b>	<b>52.063.407</b>

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 505 triệu VND (1/1/2021: 10 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	203.568.960.136	882.144.692.375	6.284.570.844	4.485.955.671	1.096.484.179.026
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.933.020.720	-	-	1.933.020.720
Thanh lý	-	(252.025.500)	-	-	(252.025.500)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>203.568.960.136</b>	<b>883.825.687.595</b>	<b>6.284.570.844</b>	<b>4.485.955.671</b>	<b>1.098.165.174.246</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	83.945.300.057	539.356.284.539	3.888.812.528	3.936.497.589	631.126.894.713
Khấu hao trong kỳ	4.941.705.402	28.054.295.452	265.766.406	75.079.608	33.336.846.868
Thanh lý	-	(252.025.500)	-	-	(252.025.500)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>88.887.005.459</b>	<b>567.158.554.491</b>	<b>4.154.578.934</b>	<b>4.011.577.197</b>	<b>664.211.716.081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	119.623.660.079	342.788.407.836	2.395.758.316	549.458.082	465.357.284.313
Số dư cuối kỳ	114.681.954.677	316.667.133.104	2.129.991.910	474.378.474	433.953.458.165

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 282.755 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 278.826 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Nhãn hiệu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.304.073.640	876.285.239	2.180.358.879
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.304.073.640	567.008.090	1.871.081.730
Khấu hao trong kỳ	-	61.855.428	61.855.428
Số dư cuối kỳ	1.304.073.640	628.863.518	1.932.937.158
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	-	309.277.149	309.277.149
Số dư cuối kỳ	-	247.421.721	247.421.721

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 1.304 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 1.304 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.611.020.720
Tăng trong kỳ	3.073.164.014
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.933.020.720)
Số dư cuối kỳ	2.751.164.014



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	2.443.664.014	1.611.020.720
Khác	307.500.000	-
	<hr/>	<hr/>
	2.751.164.014	1.611.020.720
	<hr/>	<hr/>

## 17. Chi phí trả trước dài hạn

	<b>Chi phí đất</b>	<b>Công cụ</b>	<b>Tổng</b>
	<b>trả trước</b>	<b>và dụng cụ</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	13.694.793.389	7.052.593.367	20.747.386.756
Tăng trong kỳ	-	192.500.000	192.500.000
Phân bổ trong kỳ	(201.394.020)	(2.283.326.356)	(2.484.720.376)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	13.493.399.369	4.961.767.011	18.455.166.380
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

## 18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
Lợi nhuận chưa thực hiện	28.575.376	10.876.299
Chi phí phải trả và dự phòng	3.514.392.032	2.635.728.083
	<hr/>	<hr/>
	10.542.967.408	9.646.604.382
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	27.176.107.031
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	12.455.715.745
Phân bổ trong kỳ	1.358.805.354
Số dư cuối kỳ	13.814.521.099
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	14.720.391.286
Số dư cuối kỳ	13.361.585.932

**20. Phải trả người bán**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả các bên thứ ba	121.999.075.540	128.737.377.390
Phải trả các bên liên quan	15.865.176.956	33.722.383.114
	<b>137.864.252.496</b>	<b>162.459.760.504</b>

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2021 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Nộp VND</b>	<b>Cán trừ/ Hoàn lại VND</b>	<b>Phân loại lại VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.606.067.705	42.717.582.037	(88.418.813.341)	-	-	42.904.836.401
Thuế giá trị gia tăng	10.785.071.719	75.875.729.446	(17.323.243.371)	(44.233.917.921)	-	25.103.639.873
Thuế thu nhập cá nhân	171.349.666	5.806.959.449	(5.110.935.091)	(209.529.743)	2.315.234	660.159.515
Thuế xuất nhập khẩu	-	18.979.244	(18.979.244)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.053.216.363	(3.053.216.363)	-	-	-
	<b>99.562.489.090</b>	<b>127.472.466.539</b>	<b>(113.925.187.410)</b>	<b>(44.443.447.664)</b>	<b>2.315.234</b>	<b>68.668.635.789</b>



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Thưởng và lương tháng 13	7.329.740.770	13.101.097.327
Chi phí gia công	5.312.388.395	5.679.173.340
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	2.412.989.809	311.862.500
Chi phí kho vận	1.026.461.105	551.483.712
Chi phí lãi vay	512.673.950	810.169.548
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	356.305.000	1.263.500.000
Chi phí khác	6.600.074.867	1.357.866.152
	<b>23.550.633.896</b>	<b>23.075.152.579</b>

**23. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	2.032.090.000	2.463.340.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	381.882.500	381.882.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	236.640.235	202.588.375
Phải trả khác	689.811.754	676.305.868
	<b>3.340.424.489</b>	<b>3.724.116.743</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	279.450.000	279.450.000



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	317.243.744.106	349.423.149.532	(524.177.434.785)	142.489.458.853

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	2,2% - 2,7%	142.489.458.853	317.243.744.106

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn không có khoản nợ nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển (*) VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	943.676.859.714	(10.882.327.491)	1.442.070.973.138
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	260.403.168.706	(1.458.033.226)	258.945.135.480
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.204.080.028.420	(12.340.360.717)	1.701.016.108.618
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.002.800.069.975	(13.639.770.934)	1.498.436.739.956
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	157.068.174.857	(198.189.960)	156.869.984.897
Tăng lợi ích vốn chủ sở hữu trong một công ty con (Thuyết minh 8)	-	-	-	(15.465.963.355)	15.465.963.355	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.144.402.281.477	1.628.002.461	1.655.306.724.853

(\*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **26. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		<b>29.974.241.968</b>		<b>29.974.241.968</b>

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	3.132.888.000	4.944.792.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	477.400.000	3.726.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.610.288.000</b>	<b>4.948.518.000</b>
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	167.570	3.839.862.884	303.667	6.979.786.225
	<hr/>		<hr/>	

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	3.135.868.007	7.370.127.180
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.874.081.525	685.532.100
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.009.949.532</b>	<b>8.055.659.280</b>
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	798.541.362.773	1.150.104.067.092
▪ Doanh thu khác	7.490.236.001	2.560.754.916
	<hr/>	<hr/>
	806.031.598.774	1.152.664.822.008
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	1.366.487.173	534.266.168
▪ Chiết khấu thương mại	74.712.967	-
	<hr/>	<hr/>
	1.441.200.140	534.266.168
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	804.590.398.634	1.152.130.555.840

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	589.885.171.394	806.556.847.800
▪ Giá vốn khác	14.205.659.483	10.256.549.122
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	836.840.145	381.965.818
	<hr/>	<hr/>
	604.927.671.022	817.195.362.740



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và hoạt động đầu tư khác	31.790.790.768	8.071.904.306
Lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	-	14.745.205.479
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	538.429.844	1.058.616.039
	<hr/>	<hr/>
	32.329.220.612	23.875.725.824
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.884.047.055	7.894.573.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	127.443.057	104.328.786
Chi phí khác	-	7.289.027.730
	<hr/>	<hr/>
	3.011.490.112	15.287.930.378
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	5.023.796.502	104.357.508
Chi phí kho vận	1.506.823.398	1.049.431.335
Chi phí nhân viên	327.251.785	823.589.034
Chi phí khác	1.264.601.009	1.132.004.636
	<hr/>	<hr/>
	8.122.472.694	3.109.382.513
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.296.645.648	5.460.292.519
Phân bổ lợi thế thương mại	1.358.805.354	1.358.805.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.289.886	297.289.884
Chi phí nghiên cứu và phát triển	80.930.385	134.965.279
Phí quản lý	-	1.786.170.000
Chi phí khác	4.176.127.944	4.838.317.620
	<hr/>	<hr/>
	22.201.799.217	13.875.840.656

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	488.103.347.212	672.327.737.033
Chi phí nhân viên	52.290.434.296	45.404.179.673
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.757.507.650	34.712.943.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.209.537.910	60.023.218.879
Chi phí khác	19.891.115.865	21.712.506.597
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	42.717.582.037	68.189.182.310
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(896.363.026)	(596.602.050)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>41.821.219.011</b>	<b>67.592.580.260</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	198.691.203.908	326.537.715.740
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.738.240.782	65.307.543.148
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	271.761.069	271.761.069
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.611.343.962	1.891.490.735
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	199.873.198	121.785.308
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>41.821.219.011</b>	<b>67.592.580.260</b>

- (\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế của công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con này có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó. Lỗ tính thuế của công ty con phụ thuộc vào việc xem xét của cơ quan thuế và chưa được quyết toán.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20%.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, cũng như từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.

**36. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ là 157.068.174.857 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 260.403.168.706 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 26.579.135 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 26.579.135 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	157.068.174.857	260.403.168.706

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ	26.579.135	26.579.135

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.909	9.797

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Vì vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**37. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/ (Phải trả) tại ngày	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>				
<b>Công ty Cổ phần</b>				
<b>Hàng tiêu dùng Masan</b>				
Bán hàng hóa	713.146.479.771	991.290.203.801	130.061.308.159	190.431.486.780
Bán dịch vụ	-	99.126.300.000	-	10.801.005.600
Mua hàng hóa	26.405.395.494	45.824.333.854	-	-
<b>Các bên liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Một Thành viên</b>				
<b>Công nghiệp Masan</b>				
Bán hàng hóa	419.742.507	322.349.040	11.899.371	6.999.300
Mua hàng hóa	74.901.340	1.362.409.940	(77.016.605)	(3.251.498.113)
Mua dịch vụ	8.169.350.482	17.221.639.736	(7.707.100.099)	(8.026.013.092)
Phí quản lý	-	1.786.170.000	-	(3.957.870.398)
Cho vay	-	600.000.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	14.745.205.479	-	-

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Phải thu/ (Phải trả) tại ngày	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty Cổ phần</b>				
<b>Nước khoáng Vĩnh Hảo</b>				
Bán hàng hóa	58.917.276	-	-	-
Mua hàng hóa	14.859.495.430	31.319.347.982	(1.208.127.012)	(13.503.776.971)
Mua dịch vụ	11.671.934.400	21.745.675.584	(8.204.153.760)	(5.526.180.000)
<b>Công ty TNHH Một</b>				
<b>Thành viên Masan MB</b>				
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.321.426.380	8.835.137.040	3.849.506.637	1.227.113.448
Mua hàng hóa	-	5.898.662.106	-	-
<b>Công ty TNHH Một</b>				
<b>Thành viên Masan HG</b>				
Bán hàng hóa và dịch vụ	16.152.877.850	491.979.501	9.866.687.083	4.494.642.240
<b>Công ty TNHH Một</b>				
<b>Thành viên Masan HD</b>				
Bán hàng hóa	4.153.625	1.980.000	-	-
<b>Công ty TNHH</b>				
<b>Một Thành viên</b>				
<b>Masan Brewery</b>				
<b>Distribution</b>				
Mua hàng hóa	43.420.909	6.259.091	-	-
<b>Công ty TNHH</b>				
<b>Một Thành viên</b>				
<b>Công nghệ Thực</b>				
<b>phẩm Việt Tiến</b>				
Mua hàng hóa	-	-	-	(9.460.000)
<b>Công ty Cổ phần</b>				
<b>Bột giặt NET</b>				
Mua hàng hóa	-	8.770.908	-	-
<b>Thành viên quản lý</b>				
<b>chủ chốt</b>				
Thù lao (*)	5.743.284.373	4.017.734.450	-	-



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

- (\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận khoản thù lao nào cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 1.019.090.909 VND).

### **38. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng



  
Phạm Hồng Sơn  
Chủ tịch



